

Tên: .....

Ngữ pháp: .....

Lớp: S3...

Độc: .....

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày .... / ....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày .... / ....



## GLOBAL ENGLISH 3

### Unit 5: Inventions - Grammar 2 & Final Test Correction

#### A. GRAMMAR

❖ Ask and answer about reasons using “Why” – “Because” (Hỏi – đáp về lý do dùng “Why” và “Because”)

- Cách dùng:

- + Why được dùng để hỏi lý do.
- + Because được dùng để trả lời lý do.

- Cấu trúc:

| Why + trợ động từ/động từ to be + S + V?                       | Because + S + V (lý do).                      |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Why didn't you go to school?<br>(Tại sao bạn đã không đi học?) | Because I was sick.<br>(Bởi vì tôi đã bị ốm.) |

❖ Quantifiers (Lượng từ)

- Cách dùng: được dùng để chỉ số lượng của một danh từ / cụm danh từ.

| Dạng                                  | Ví dụ                                                                                 |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Danh từ đếm được số nhiều             | Có thể đếm được, thường thêm -s / -es<br>books, cats, students                        |
| Danh từ đếm được số nhiều bất quy tắc | Không theo quy tắc thêm s/es<br>men, women, teeth                                     |
| Danh từ không đếm được                | Không thể đếm được, thường là chất liệu, khái niệm, thức ăn...<br>water, advice, rice |

| Lượng từ | Nghĩa của từ    | Cách dùng            |                   | Ví dụ                                                                                                                                                |
|----------|-----------------|----------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                 | DT đếm được số nhiều | DT không đếm được |                                                                                                                                                      |
| Some     | một vài, một ít | ✓                    | ✓                 | - There are <b>some</b> cats.<br>(Có <b>một vài</b> con mèo.)<br>- I want <b>some</b> coffee.<br>(Tôi muốn <b>một ít</b> cà phê.)                    |
| Many     | nhiều           | ✓                    |                   | - <b>Many</b> people want it.<br>( <b>Nhiều</b> người muốn nó.)                                                                                      |
| A lot of | rất nhiều       | ✓                    | ✓                 | - I spent <b>a lot of</b> money.<br>(Tôi đã tiêu <b>rất nhiều</b> tiền.)<br>- There are <b>a lot of</b> fans.<br>(Có <b>rất nhiều</b> người hâm mộ.) |

#### B. EXTRA VOCABULARY

| No. | Words        | Meanings | No. | Words                          | Meanings       |
|-----|--------------|----------|-----|--------------------------------|----------------|
| 1   | attend (v)   | tham dự  | 4   | lorry (n)                      | xe tải         |
| 2   | miss (v)     | bỏ lỡ    | 5   | stand (v)<br>→ stood (v2)      | đứng → đã đứng |
| 3   | stranger (n) | người lạ | 6   | forget (v)<br>→ forgotten (v3) | quên → đã quên |

\*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; v2 = past simple form of the verb: dạng quá khứ đơn của động từ; v3 = past participle form of the verb: dạng quá khứ phân từ của động từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

### C. HOMEWORK (19 questions)

#### I. Circle the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng.)

0. There are a lot of / lot of stars in the sky tonight.

1. Can I have **some** / **many** sugar in my coffee?
2. **A lot of** / **A lot** people attended the concert last weekend.
3. She has **a lot of** / **some** books on her shelf. They are full.
4. I need **some** / **many** water to cook the pasta.
5. **Many** / **A lots of** students are missing from the class today.

#### II. Write WHY or BECAUSE in the blanks. (Điền WHY hoặc BECAUSE vào chỗ trống.)

0. Why are you crying? - Because I hurt my knee.

1. .... I'm tired, I want to go to bed early.
2. .... is he running? - Because he's late for school.
3. .... it's raining, she can't go out
4. .... do they like this teacher? - Because she is very kind.
5. .... he had a fever, he stayed at home.

#### III. Match the questions with the correct answers. (Nối câu hỏi với câu trả lời đúng.)

0. ~~Why are you crying?~~

1. Why is the dog barking?
2. Why is he tired?
3. Why did she go home early?
4. Why are they happy?
5. Why is the baby laughing?

- A. Because it saw a stranger.
- B. Because she was tired.
- C. Because he likes the funny toy.
- ~~D. Because I hurt my leg.~~
- E. Because they won the game.
- F. Because he didn't sleep much.

Your answer:

|             |         |         |         |         |         |
|-------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| 0. <u>D</u> | 1. .... | 2. .... | 3. .... | 4. .... | 5. .... |
|-------------|---------|---------|---------|---------|---------|

#### IV. Answer with your own idea. (Trả lời bằng ý của con.)

0. Why are there many apples on the table?

→ Because my mom bought them for our meal.

1. Why does he have some juice?

→ Because .....

2. Why are there a lot of books in the classroom?

→ Because .....

3. Why did you buy many pencils?

→ Because .....

4. Why are there some cats in the garden?

→ Because .....

## CAMBRIDGE READING PRACTICE

### Part 3 – 6 questions

Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1-5.



*pictures*

forgotten

drove

stairs

heavy

city

Helen's parents bought a new house a few months ago. In their last week at their old house, the family put all their (0) pictures, lamps and other things into big boxes. Then on their last day in the old house, two men came and took all the (1) ..... things, like the beds, out of the rooms, down the (2) ....., out of the house and into a big lorry outside. Then the family stood for a minute in their old house and said goodbye to it. After that, they (3) ..... behind the lorry to their new house. It wasn't far because it was in the same (4) ..... When they arrived, the men opened the doors of the lorry and Helen's dad walked up to the house. He put his hand in his pocket and said, "Oh no! I've (5) ..... the key! It's by the window in our old house!" Helen laughed. "You always put your keys there!" "Yes!" Helen's dad answered, "but now I must find a new place for them!"

(6) Now choose the best name for the story. Tick one box.

- ☐ Mum and the expensive new lamp
- ☐ Helen and the new lorry
- ☐ Dad and the house key